

DANH SÁCH

Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường Trung học phổ thông Chuyên Cao Bằng năm học 2025 - 2026

Khóa ngày 03 tháng 6 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Môn chuyên: Toán

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Điểm môn chuyên	Tổng điểm
1	09.258	LÝ TRUNG KIÊN	Nam	Nùng	04/01/2010	Cao Bằng	THCS Đông Khê	10.00	9.00	7.75	6.00	38.75
2	09.197	LÊ THU HUỆ	Nữ	Tày	07/01/2010	Cao Bằng	THCS Nước Hai	9.75	8.75	9.50	5.25	38.50
3	09.501	LÊ THANH TRÚC	Nữ	Tày	28/05/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	9.50	9.50	8.50	5.25	38.00
4	09.520	HOÀNG TÙNG	Nam	Tày	22/02/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	10.00	8.50	9.50	5.00	38.00
5	09.452	ĐÀM HẠO THIÊN	Nam	Tày	11/05/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	10.00	6.50	8.50	6.50	38.00
6	09.135	TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	Kinh	24/02/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	10.00	8.00	9.25	5.00	37.25
7	09.112	HÀ HỒNG DIỆU	Nữ	Nùng	22/01/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	9.00	8.25	8.50	5.50	36.75
8	09.445	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	Nùng	12/06/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	10.00	7.50	9.75	4.75	36.75
9	09.118	ĐẶNG THÙY DƯƠNG	Nữ	Tày	07/10/2010	Cao Bằng	THCS Cao Bình	10.00	8.25	8.75	4.75	36.50
10	09133	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Nam	Nùng	27/10/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Nguyên Bình	9.50	7.75	9.00	5.00	36.25
11	09.061	DƯƠNG GIA BẢO	Nam	Tày	12/07/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	10.00	8.00	8.75	4.75	36.25
12	09.421	GIANG TÙNG QUÂN	Nam	Kinh	30/09/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	9.75	6.75	9.25	5.25	36.25
13	09.165	NÔNG BẢO HÂN	Nữ	Nùng	17/10/2010	Cao Bằng	THCS Hòa Chung	9.50	8.75	8.25	4.75	36.00
14	09.004	HOÀNG NGUYỄN AN	Nam	Tày	17/07/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	10.00	8.25	9.50	4.00	35.75
15	09.170	LƯU PHƯƠNG HẢO	Nữ	Cao Lan	12/06/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	9.00	8.00	8.75	5.00	35.75
16	09.143	TRIỆU XUÂN ĐỨC	Nam	Tày	10/02/2010	Cao Bằng	THCS Đàm Thủy	10.00	7.00	7.75	5.25	35.25
17	09.157	ĐOÀN NGỌC HÂN	Nữ	Tày	05/09/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	10.00	8.50	8.25	4.25	35.25
18	09.281	HOÀNG HÀ LINH	Nữ	Tày	16/04/2010	Cao Bằng	TH và THCS Quang Trung	10.00	8.00	8.00	4.50	35.00
19	09.379	TRƯƠNG HOÀNG HƯƠNG NGỌC	Nữ	Nùng	26/07/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	9.75	8.50	8.75	4.00	35.00
20	09.131	ĐINH TIẾN ĐẠT	Nam	Tày	22/02/2010	Cao Bằng	THCS Đông Khê	10.00	6.00	9.00	5.00	35.00
21	09.216	NÔNG THU HƯỜNG	Nữ	Tày	02/01/2010	Cao Bằng	THCS Ngọc Xuân	9.00	7.75	8.75	4.75	35.00
22	09.425	HOÀNG DUY QUANG	Nam	Tày	18/11/2010	Cao Bằng	THCS Nước Hai	9.75	7.25	8.50	4.75	35.00
23	09.239	ĐOÀN GIA KHÁNH	Nam	Tày	11/05/2010	Cao Bằng	THCS Ngọc Xuân	10.00	7.75	9.00	4.00	34.75

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Điểm môn chuyên	Tổng điểm
24	09.344	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	Kinh	18/06/2010	Thành phố Hà Nội	THCS Hợp Giang	8.75	8.75	7.25	5.00	34.75
25	09.236	NGUYỄN TRƯỞNG THẾ KHANG	Nam	Tày	20/06/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	9.25	7.75	8.00	4.75	34.50
26	09.072	NGỌC THANH BÌNH	Nam	Nùng	07/12/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	9.00	6.25	8.75	5.25	34.50
27	09.134	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	Nùng	12/06/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	10.00	6.50	9.50	4.25	34.50
28	09.299	TRIỆU TRƯỞNG LƯƠNG	Nữ	Nùng	04/12/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Bảo Lạc	9.50	8.00	5.75	5.50	34.25
29	09.451	NGUYỄN HỨA ĐÌNH THI	Nam	Kinh	27/03/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	10.00	8.00	8.75	3.75	34.25
30	09.435	NÔNG BẢO SƠN	Nam	Tày	13/03/2010	Cao Bằng	THCS Ngọc Xuân	9.00	9.00	8.75	3.75	34.25
31	09.214	TRIỆU QUỲNH HƯƠNG	Nữ	Tày	05/07/2010	Cao Bằng	THCS Cao Bình	9.25	7.75	8.25	4.50	34.25
32	09.298	LƯƠNG KHÁNH LUÂN	Nam	Tày	21/07/2010	Cao Bằng	THCS thị trấn Trùng Khánh	9.25	7.50	7.75	4.75	34.00
33	09.528	PHAN HOÀNG THẢO UYÊN	Nữ	Kinh	22/05/2010	Thừa Thiên Huế	THCS thị trấn Trùng Khánh	8.25	8.25	8.75	4.25	33.75
34	09.013	ĐÌNH NGỌC ÂN	Nam	Tày	18/12/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Bảo Lâm	9.00	6.50	8.50	4.75	33.50
35	09.054	VÕ NGUYỄN HỒNG ANH	Nữ	Kinh	08/02/2010	Cao Bằng	THCS Hòa Chung	9.25	8.00	8.00	4.00	33.25

Danh sách gồm 35 học sinh./.